

LUYỆN TẬP

Bài 1: Đếm các thẻ số và gộp để biết có mấy nghìn, mấy trăm, mấy chục và mấy đơn vị

– GV cho HS **đọc** yêu cầu.

– HS **thảo luận** (nhóm đôi) **nhận biết**: chỉ gộp khi có 10 thẻ cùng loại.

Gộp 10 thẻ 100 thành 1 thẻ 1000.

Có 1 nghìn, 4 trăm, 6 chục và 3 đơn vị.

– HS trao đổi trong nhóm, GV quan sát và gọi HS nêu kết quả khi sửa bài trên lớp.

GV giúp HS hệ thống hoá mối quan hệ giữa các hàng:

- 10 đơn vị của một hàng làm thành 1 đơn vị của hàng cao hơn liền nó.
- Cho ví dụ: 10 đơn vị làm thành 1 chục, 10 chục làm thành 1 trăm, ... và ngược lại: 1 chục nghìn = 10 nghìn, 1 nghìn = 10 trăm, ...

Bài 2:

– HS làm (nhóm bốn) và trình bày theo mẫu.

– GV kiểm tra các nhóm làm việc. Gọi vài nhóm HS nêu khi sửa bài trên lớp.

Bài 3:

– GV treo bảng.

– HS (nhóm bốn) **đọc** các yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ rồi thảo luận.

– GV gọi HS nêu kết quả: A - III; B - IV; C - II; D - I.

Khuyến khích các em giải thích cách làm.

CÙNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Đố bạn” (tìm giá trị của chữ số 8 trong các số):

1980; 2348; 5860; 8769.

CÁC SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Đếm, lập số, đọc, viết số, cấu tạo thập phân của số.
- Nhận biết số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn trong phạm vi 10000; xác định vị trí các số trên tia số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

GV: các hình thẻ đơn vị, chục, trăm, nghìn.

HS: bộ đồ dùng học số.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Có thể dùng trò chơi chuyển tải nội dung *Quan hệ giữa các hàng đã học*:

10 đơn vị = 1 chục, 1 chục = 10 đơn vị.

...

10 nghìn = 1 chục nghìn, 1 chục nghìn = 10 nghìn.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu số có bốn chữ số

– GV xếp lần lượt lên bảng các thẻ nghìn, trăm, chục và đơn vị.



– GV hỏi – HS trả lời – GV nói và viết bảng.

- Có mấy nghìn, mấy trăm, mấy chục và mấy đơn vị?

(5 nghìn, 2 trăm, 7 chục và 3 đơn vị)

- Có 5 nghìn, ta viết chữ số 5 ở hàng nghìn.

Có 2 trăm, ta viết chữ số 2 ở hàng trăm.

...

- Có 5 nghìn, 2 trăm, 7 chục và 3 đơn vị, ta có số 5273 (GV viết và đọc số).

- HS đọc số (*năm nghìn hai trăm bảy mươi ba*).

- HS viết số trên bảng con.

– GV lưu ý cách viết số: Khi viết các số có bốn chữ số nên viết khoảng cách giữa chữ số hàng nghìn và hàng trăm rộng hơn một chút so với các khoảng cách khác.

– GV yêu cầu HS nêu giá trị mỗi chữ số rồi viết thành tổng:

$$5273 = 5000 + 200 + 70 + 3$$

2. Thực hành

Bài 1:

– HS đọc các yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ.

– HS nhóm đôi **tim hiểu** mẫu, **nhận biết**:

- Có 6 nghìn, 5 trăm, 9 chục và 4 đơn vị.

- Viết số: 6594.

- Đọc số: *Sáu nghìn năm trăm chín mươi bốn* (hay *Sáu nghìn năm trăm chín mươi tư*).

- Sửa bài: HS trình bày bảng và đọc số theo yêu cầu của GV.

4 320: Bốn nghìn ba trăm hai mươi.

3 047: Ba nghìn không trăm bốn mươi bảy.

1 005: Một nghìn không trăm linh năm.

Bài 2:

- HS (nhóm bốn) **đọc** các yêu cầu, **thảo luận**, **nhận biết** nhiệm vụ.

GV lưu ý HS thể hiện giá trị các chữ số từ trái sang phải.

- GV có thể yêu cầu nhóm ba hoặc bốn HS **sử dụng** thẻ số để sửa bài trên bảng lớp.

Khuyến khích các em giải thích cách làm, chẳng hạn:

9 054

• Chữ số 9 ở hàng nghìn nên lấy 9 thẻ 1 000.

• Chữ số 0 ở hàng trăm, tức là không có trăm nào, không lấy thẻ 100.

...

LUYỆN TẬP

Bài 1: Tìm các số còn thiếu rồi đọc các số trong bảng

- HS **đọc** yêu cầu.

- HS làm việc cá nhân **tìm** các số còn thiếu, **đọc** các số rồi **chia sẻ** trong nhóm bốn.

- GV lưu ý học sinh các **số liên tiếp**.

Bài 2: Viết số

- GV đọc từng số, HS **viết** vào bảng con các số: 9 845; 7 601; 7 061.

Bài 3: Viết các số thành tổng (theo mẫu)

- HS **đọc** yêu cầu, **tìm hiểu** mẫu.

- HS **viết** thành tổng trên bảng con.

- Sửa bài, HS đưa bảng con cho cả lớp nhận xét.

a) $3823 = 3\ 000 + 800 + 20 + 3$;

b) $1405 = 1\ 000 + 400 + 5$;

c) $9\ 009 = 9\ 000 + 9$.

Bài 4: Viết các tổng thành số (theo mẫu)

- HS **đọc** yêu cầu, **tìm hiểu** mẫu.

- HS **viết** thành số từ các tổng đã cho trên bảng con.

- Sửa bài, HS đưa bảng con cho cả lớp nhận xét.

a) $5\ 000 + 400 + 30 + 6 = 5\ 436$;

b) $7\ 000 + 500 + 20 = 7\ 520$;

c) $4\ 000 + 8 = 4\ 008$.

Bài 5: Số?

– HS **đọc** yêu cầu, **nhận biết**:

a) Các số tròn nghìn (đếm thêm 1000).

b) Các số tròn chục (đếm thêm 10).

– HS nhóm đôi **tìm** các số còn thiếu rồi **đọc** cho nhau nghe.

CÙNG CỐ

Bốn HS, mỗi em một bảng cài, mỗi bảng viết một trong các chữ số: 4; 8; 0; 5.

Một HS dưới lớp đọc một số được viết từ bốn chữ số trên, ví dụ “tám nghìn không trăm năm mươi bốn”.

Bốn HS trên bảng xếp lại vị trí bảng cài cho đúng với số bạn đã đọc.

Khám phá

GV đưa tranh và giới thiệu, sau đó cả lớp tìm vị trí tỉnh Quảng Ninh trên bản đồ.

Vịnh Hạ Long là một trong 29 vịnh đẹp nhất thế giới, là di sản thiên nhiên thế giới.

Vịnh Hạ Long có 1969 hòn đảo lớn, nhỏ.



Vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh)

SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

– Khái quát hoá cách so sánh các số có bốn chữ số theo hàng.

Thực hiện so sánh các số có bốn chữ số.

Xác định số lớn nhất, số bé nhất trong nhóm không quá bốn số.

Xếp thứ tự nhóm không quá bốn số.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến việc so sánh các số đo.

– Làm tròn số đến hàng nghìn.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt.

Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: Các thẻ đơn vị, chục, trăm, nghìn.

HS: Bộ đồ dùng học số.